

CÂU HỎI THEO CHỦ ĐỀ. HOA KÌ

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN NHIỀU LỰA CHỌN

(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng)

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Hoa Kỳ có diện tích lớn

- A. thứ 2 thế giới. B. thứ 3 thế giới. C. thứ 4 thế giới. D. thứ 5 thế giới.

Câu 2: Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nằm ở

- A. Trung Mỹ. B. Ca-ri-bê. C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Câu 3: Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương. B. Đại Tây Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Thái Bình Dương.

Câu 4: Phần lãnh thổ trung tâm Hoa Kỳ nằm giữa

- A. Ca-na-đa và khu vực Mỹ La-tinh. B. Ca-na-đa và bán đảo A-lát-xca.
C. bán đảo A-lát-xca và Mê-hi-cô. D. đảo Grin-len và Mê-hi-cô.

Câu 5: Đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kỳ là

- A. kéo dài từ chí tuyến Bắc đến xích đạo. B. nằm hoàn toàn trong nội địa.
C. tiếp giáp với Mê-hi-cô ở phía Bắc. D. nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.

Câu 6: Quần đảo Ha-oai của Hoa Kỳ nằm giữa đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương. B. Đại Tây Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Thái Bình Dương.

Câu 7: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. hàn đới.

Câu 8: Ha-oai là quần đảo nằm giữa Thái Bình Dương có tiềm năng lớn về

- A. muối mỏ, hải sản. B. hải sản, du lịch. C. kim cương, đồng. D. du lịch, than đá.

Câu 9: Lợi thế nào là quan trọng nhất của vị trí địa lí Hoa Kỳ cho phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tiếp giáp với Ca-na-đa. B. Tiếp giáp với Mỹ La-tinh.
C. Tiếp giáp với các đại dương. D. Nằm ở bán cầu Tây.

Câu 10: Ở phía Đông Bắc Hoa Kỳ có khoáng sản chủ yếu nào sau đây?

- A. Kim loại đen. B. Kim loại màu. C. Năng lượng. D. Phi kim loại.

Câu 11: Ha-oai là nơi có nhiều

- A. hoang mạc. B. đầm lầy. C. núi lửa. D. cao nguyên.

Câu 12: Đặc điểm cơ bản của khí hậu Hoa Kỳ là

- A. có khí hậu tương đối đồng nhất.
B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. tạo thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt.
D. phân hóa đa dạng thành nhiều đới, kiểu khác nhau.

Câu 13: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc. B. vùng Đông Nam. C. vùng trung tâm. D. vùng phía Tây.

Câu 14: Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu sống ở

- A. vùng nông thôn. B. vùng nội địa đất đai màu mỡ.
C. trung tâm các đô thị lớn. D. vùng phụ cận đô thị lớn và đô thị vệ tinh.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Hoa Kỳ?

- A. Nằm ở bán cầu Đông, giáp Ấn Độ Dương. B. Giáp Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
C. Tiếp giáp Ca-na-đa và khu vực Mỹ La-tinh. D. Ở trên lục địa Bắc Mỹ, giáp với Mê-hi-cô.

Câu 16: Hoa Kỳ là nền kinh tế

- A. hàng đầu thế giới. B. ít có ảnh hưởng đối với thế giới.
C. chiếm hơn 50% của thế giới. D. có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

Câu 17: Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm phần lớn trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ?

- A. Khai thác. B. Năng lượng. C. Chế biến. D. Điện lực.

Câu 18: Ngành nào sau đây tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ?

- A. Nông nghiệp. B. Ngư nghiệp. C. Tiểu thủ công. D. Công nghiệp.

Câu 19: Vùng phía Tây Hoa Kỳ phát triển mạnh hoạt động lâm nghiệp, do có

A. cao nguyên rộng. B. các bồn địa lớn. C. nhiều dãy núi trẻ. D. diện tích rừng lớn.

Câu 20: Khu vực kinh tế nào sau đây phát triển sớm và mạnh nhất ở Hoa Kỳ?

A. Đông Bắc. B. Trung Tây. C. Phía Nam. D. Phía Tây.

Câu 21: Trung tâm tài chính quan trọng nhất của Hoa Kỳ là

A. Niu Oóc. B. Phi-la-đen-phi-a. C. Bô-xtơn. D. Lát-vê-gát.

Câu 22: Ngành có tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Hoa Kỳ là

A. luyện kim. B. dệt. C. điện tử - tin học. D. gia công đồ nhựa.

Câu 23: Bang A-la-xca nổi tiếng nhất với loại khoáng sản

A. Than và quặng sắt. B. Thiếc và đồng. C. Dầu mỏ và khí đốt. D. Vàng và kim cương.

Câu 24: Ngoài phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ, Hoa Kỳ còn bao gồm các bộ phận nào sau đây?

A. Bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai. B. Quần đảo Ha-oai, quần đảo Ăng-ti Lớn.

C. Quần đảo Ăng-ti Lớn, quần đảo Ăng-ti. D. Quần đảo Ăng-ti Nhỏ, bán đảo A-la-xca.

Câu 25: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng phía Tây Hoa Kỳ?

A. Các dãy núi trẻ chạy theo hướng bắc - nam. B. Có nhiều kim loại màu như vàng, đồng, chì.

C. Tài nguyên năng lượng hết sức phong phú. D. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương.

Câu 26: Dân cư Hoa Kỳ tập trung với mật độ cao nhất ở

A. ven Thái Bình Dương. B. ven Đại Tây Dương.

C. ven vịnh Mê-hi-cô. D. khu vực trung tâm.

Câu 27: Dân cư Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở

A. vùng nội địa và ven biển. B. vùng Đông Bắc và ven biển.

C. vùng phía bắc và ven biển. D. vùng ven biển phía tây và phía đông.

Câu 28: Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

A. tỉ trọng trong GDP lớn nhất. B. số lượng lao động ít nhất.

C. tốc độ tăng trưởng rất chậm. D. hàng hóa ít có sự đa dạng.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với giao thông vận tải của Hoa Kỳ hiện nay?

A. Mạng lưới đường bộ đến khắp mọi miền. B. Phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

C. Có số lượng sân bay nhiều nhất thế giới. D. Vận tải đường hàng hải không phát triển.

Câu 30: Địa hình phần lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mỹ phân hóa thành 3 vùng là

A. vùng phía Tây, vùng trung tâm, vùng phía Đông.

B. vùng phía Bắc, vùng Trung tâm, vùng phía Nam.

C. vùng Coóc-đi-e, vùng Trung tâm, vùng núi Apalát.

D. vùng Coóc-đi-e, vùng Apalát, ven Đại Tây Dương.

Câu 31: Khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên phân bố chủ yếu ở

A. dãy A-pa-lát và đồng bằng ven Đại Tây Dương.

B. ven vịnh Mê-hi-cô, bán đảo A-la-xca.

C. bồn địa Lớn, bán đảo A-la-xca.

D. ven vịnh Mê-hi-cô, quần đảo Ha-oai.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây đúng với kinh tế Hoa Kỳ?

A. Là siêu cường công nghiệp của thế giới. B. Chỉ đầu tư mạnh ngành khai khoáng.

C. Chỉ phát triển mạnh các ngành chế biến. D. Ít chú trọng đến ngành năng lượng.

Câu 33: Hiện nay các ngành nào sau đây của Hoa Kỳ được phát triển mạnh?

A. Luyện kim, gia công đồ nhựa, hóa dầu. B. Đóng tàu, gia công đồ nhựa, hóa chất.

C. Điện tử - tin học, hàng không - vũ trụ. D. Hàng không - vũ trụ, đóng tàu, hóa chất.

Câu 34: Hoạt động công nghiệp của Hoa Kỳ tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Đông Bắc. B. Đông Nam.

C. Ven Thái Bình Dương. D. Ven vịnh Mê-hi-cô.

Câu 35: Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

A. vùng phía Nam và vùng phía Tây. B. vùng phía Bắc và phía Nam.

C. ven Đại Tây Dương và phía Nam. D. vùng Trung tâm và phía Bắc.

Câu 36: Nhận xét nào sau đây đúng với vùng kinh tế Phía Nam của Hoa Kỳ?

A. Là vùng phát triển sớm nhất.

C. Là vùng trồng rất nhiều lúa mì.

B. Có nhiều nhà máy thủy điện lớn.

D. Phát triển nhiều nông sản nhiệt đới.

Câu 37: Nhận xét nào sau đây đúng với vùng Trung Tây của Hoa Kỳ?

A. Là vùng phát triển sớm nhất.

C. Là vùng trồng rất nhiều lúa gạo.

B. Công nghiệp chế biến phát triển.

D. Phát triển nhiều nông sản nhiệt đới.

Câu 38: Công nghiệp Hoa Kỳ là ngành

A. có cơ cấu ngành và sản phẩm kém đa dạng.

B. chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

C. tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kỳ.

D. đứng đầu thế giới về sản lượng của hầu hết các sản phẩm.

Câu 39: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ thay đổi theo hướng

A. tăng ngành khai thác, tăng ngành chế biến.

B. giảm ngành chế biến, tăng ngành khai thác.

C. giảm ngành truyền thống, tăng ngành hiện đại.

D. giảm ngành hiện đại, tăng ngành truyền thống.

Câu 40: Ngành công nghiệp chiếm phần lớn giá trị xuất khẩu của Hoa Kỳ là

A. chế biến, chế tạo.

B. khai khoáng.

C. sản xuất điện.

D. điện tử - tin học.

Câu 41: Hình thức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp Hoa Kỳ là

A. hộ gia đình.

B. thể tổng hợp nông nghiệp.

C. trang trại

D. hợp tác xã nông nghiệp.

2. THÔNG HIỂU.

Câu 1: Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kỳ?

A. Nằm ở bán cầu Tây và tiếp giáp với Mê-hi-cô ở phía Nam.

B. Có vị trí tiếp giáp với Ca-na-đa và giáp khu vực Mĩ La-tinh.

C. Nằm giữa hai đại dương là Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

D. Ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ và tiếp giáp Thái Bình Dương.

Câu 2: Vùng phía Đông Hoa Kỳ có

A. các dãy núi trẻ chạy theo hướng bắc - nam.

B. có nhiều kim loại màu như vàng, đồng, chì.

C. tài nguyên năng lượng hết sức phong phú.

D. các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương.

Câu 3: Lãnh thổ rộng lớn của Hoa Kỳ làm cho tự nhiên thay đổi từ

A. Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao.

B. Tây sang Đông, từ thấp lên cao.

C. thấp lên cao, ven biển vào nội địa.

D. Bắc xuống Nam, Đông sang Tây.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Có quy mô đứng thứ ba thế giới.

B. Dân số tăng nhanh là do nhập cư.

C. Người nhập cư đa số từ châu Âu.

D. Tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng giảm.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Quy mô số dân đứng thứ ba thế giới.

B. Tỉ lệ gia tăng dân số thuộc loại thấp.

C. Dân nhập cư hầu hết là người châu Á.

D. Người dân Mỹ La-tinh nhập cư nhiều.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ hiện nay?

A. Gia tăng tự nhiên thấp.

B. Tuổi thọ trung bình cao.

C. Nhóm tuổi trên 65 tăng.

D. Có cơ cấu dân số trẻ.

Câu 7: Đặc điểm ngành dịch vụ ở Hoa Kỳ là

A. chiếm hơn 80% GDP, phát triển mạnh hàng đầu thế giới.

B. trị giá xuất, nhập khẩu lớn, các mặt hàng xuất khẩu ít đa dạng.

C. Doanh thu và số lượt khách du lịch quốc tế đến còn thấp.

D. Một số loại hình giao thông vận tải chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp điện của Hoa Kỳ?

A. Dẫn đầu thế giới về thủy điện.

B. Dẫn đầu thế giới về năng lượng tái tạo.

C. Thủy điện phát triển chủ yếu ở phía Nam.

D. Vùng phía Đông rất hạn chế về thủy điện.

Câu 9: Vùng phía Tây Hoa Kỳ có

- A. dãy A-pa-lat với độ cao trung bình, sườn thoải.
- B. than đá, quặng sắt trữ lượng lớn, dễ khai thác.
- C. các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương rộng.
- D. các dãy núi cao, bồn địa, cao nguyên, hoang mạc.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động tài chính của Hoa Kỳ?

- A. Có hàng nghìn tổ chức ngân hàng, tài chính.
- B. Thu hút nhiều triệu lao động khắp đất nước.
- C. Tạo ra rất nhiều lợi thế và các nguồn thu lớn.
- D. Chỉ tập trung phát triển mạnh mẽ trong nước.

Câu 11: Phía bắc của vùng Trung tâm Hoa Kỳ phát triển mạnh chăn nuôi bò, chủ yếu do có

- A. gò đồi thấp.
- B. đồng cỏ rộng.
- C. đồng bằng rộng.
- D. sông nhiều nước.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên của A-la-xca?

- A. Bán đảo rộng lớn.
- B. Đồng bằng màu mỡ.
- C. Ở tây bắc Bắc Mỹ.
- D. Có địa hình đồi núi.

Câu 13: Than đá và quặng sắt tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây của Hoa Kỳ?

- A. Vùng phía Tây và Trung tâm.
- B. Vùng phía Đông và Trung tâm.
- C. Vùng Trung tâm và A-la-xca.
- D. Vùng phía Đông và đảo Ha-oai.

Câu 14: Hoạt động điện lực nào sau đây ở Hoa Kỳ **không** sử dụng nguồn năng lượng sạch, tái tạo?

- A. Nhiệt điện.
- B. Địa nhiệt.
- C. Điện gió.
- D. Điện Mặt Trời.

Câu 15: Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế bằng đường biển qua Thái Bình Dương với

- A. các nước châu Phi và vùng Nam Mỹ.
- B. Nhật Bản và các nước Đông Á.
- C. Liên Bang Nga và các nước châu Âu.
- D. Ấn Độ và nhiều nước ở Nam Á.

Câu 16: Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế bằng đường biển qua Đại Tây Dương với

- A. các nước châu Phi và Nam Mỹ.
- B. Nhật Bản và các nước Đông Á.
- C. các nước châu Phi và châu Âu.
- D. Ấn Độ và nhiều nước ở Nam Á.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Hoa Kỳ?

- A. Thiên nhiên đa dạng.
- B. Khoáng sản phong phú.
- C. Thị trường nội địa lớn.
- D. Lãnh thổ là quần đảo.

Câu 19: Than và sắt tập trung nhiều nhất ở khu vực nào của Hoa Kỳ?

- A. Ven Thái Bình Dương.
- B. Ven Đại Tây Dương.
- C. Vịnh Mê-hi-cô.
- D. Xung quanh vùng Ngũ Hồ.

Câu 20. Đặc điểm địa hình vùng phía đông Hoa Kỳ

- A. là khu vực cao nhất, có nhiều dãy núi trẻ, đồ sộ.
- B. bao gồm nhiều bồn địa, cao nguyên rộng lớn.
- C. gồm núi già A-pa-lát và dải đồng bằng ven Đại Tây Dương.
- D. khu vực có nhiều đồng bằng rộng lớn trải dài từ bắc xuống nam.

Câu 21. Lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm lục địa Bắc Mỹ chủ yếu nằm trong đới khí hậu nào sau đây?

- A. Nhiệt đới và cận nhiệt.
- B. Cận nhiệt và hàn đới.
- C. Nhiệt đới và ôn đới.
- D. Ôn đới và cận nhiệt.

Câu 22. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về hệ thống sông, hồ ở Hoa Kỳ?

- A. Hoa Kỳ có nhiều hệ thống sông, hồ lớn.
- B. Nguồn cung cấp nước cho sông, hồ đa dạng.
- C. Hệ thống sông, hồ ít hoặc không có giá trị về kinh tế - xã hội.
- D. Sông ngòi chủ yếu chảy ra Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 23: Lợi ích lớn nhất do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ là

- A. lao động có trình độ cao.
- B. nguồn vốn đầu tư lớn.
- C. có nền văn hóa đa dạng.
- D. đa dạng về chủng tộc.

Câu 24: Thế mạnh về thủy điện của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Vùng phía Tây và vùng phía Đông.
- B. Vùng phía Đông và vùng Trung tâm.

C. Vùng Trung tâm và ở vùng A-la-xca.

D. Bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai.

Câu 25: Thảm thực vật Hoa Kỳ phân hóa đa dạng chủ yếu là do

A. có lịch sử phát triển lâu đời.

B. có nhiều sông, hồ.

C. khí hậu phân hóa đa dạng.

D. địa hình phân hóa đa dạng.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Dân đông nhờ một phần lớn vào nhập cư.

B. Người châu Âu chiếm đa số dân cư.

C. Chi phí đầu tư ban đầu cho nhập cư cao.

D. Người nhập cư là nguồn lao động lớn.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thành phần dân cư của Hoa Kỳ?

A. Có nhiều chủng tộc và dân tộc khác nhau.

B. Phần lớn dân số có nguồn gốc châu Âu.

C. Dân cư từ châu Á đến gần đây tăng mạnh.

D. Người Anh diêng chiếm tỉ lệ nhiều nhất.

Câu 28: Sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ đang mở rộng xuống các bang

A. phía Tây và ở ven Thái Bình Dương.

B. phía Nam và ven Thái Bình Dương.

C. phía Tây Nam và ven vịnh Mê-hi-cô.

D. ven Thái Bình Dương và phía Bắc.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tình hình nhập cư của Hoa Kỳ?

A. Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư.

B. Quá trình nhập cư đã tạo nên nền văn hóa độc đáo.

C. Hiện nay, người nhập cư đến Hoa Kỳ chủ yếu từ Châu Phi.

D. Người nhập cư đem lại nguồn lao động có trình độ, giàu kinh nghiệm.

Câu 30: Đặc điểm cơ cấu kinh tế của Hoa Kỳ là.

A. cơ cấu nền kinh tế Hoa Kỳ kém đa dạng.

B. công nghiệp chiếm tỉ trọng rất cao trong cơ cấu GDP.

C. tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm nhanh chóng.

D. đang tập trung vào lĩnh vực có trình độ khoa học – công nghệ cao.

Câu 31: Nền nông nghiệp Hoa Kỳ

A. manh mún, nhỏ lẻ.

B. có qui mô lớn, năng suất cao.

C. chỉ phát triển ngành trồng trọt.

D. tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

Câu 32: Đặc điểm ngành lâm nghiệp Hoa Kỳ là

A. chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm.

B. chiếm tỉ trọng hơn 1% cơ cấu GDP.

C. có quy mô lớn và mang tính công nghiệp.

D. chỉ có hoạt động khai thác, không có trồng rừng.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành ngoại thương của Hoa Kỳ?

A. Có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

B. Là cường quốc về ngoại thương của thế giới.

C. Là nước xuất siêu với giá trị ngày càng lớn.

D. Hoa Kỳ xuất, nhập khẩu rất nhiều loại sản phẩm.

Câu 34: Đặc điểm dân cư của Hoa Kỳ là

A. đông dân, tỉ lệ gia tăng dân số thấp và mức độ đô thị hóa cao.

B. ít dân, tỉ lệ gia tăng dân số thấp và mức độ đô thị hóa chậm.

C. đông dân, tỉ lệ gia tăng dân số cao và mức độ đô thị hóa chậm.

D. ít dân, tỉ lệ gia tăng dân số thấp và mức độ đô thị hóa chưa cao.

Câu 35: Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến công tác bảo vệ rừng ở Hoa Kỳ là

A. khai thác bừa bãi.

B. mưa lớn, lũ lụt.

C. cháy rừng.

D. bão, lốc xoáy.

Câu 36: Thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kỳ **không** phải là

A. tài nguyên thiên nhiên giàu có.

B. nguồn lao động kĩ thuật dồi dào.

C. đất nước tránh được chiến tranh.

D. phát triển từ nước tư bản lâu đời.

Câu 37: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với kinh tế Hoa Kỳ?

A. Tổng GDP lớn nhất thế giới.

B. GDP bình quân đầu người cao.

C. Công nghiệp khai thác nhỏ bé.

D. Nông nghiệp đứng đầu thế giới.

Câu 38: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngoại thương của Hoa Kỳ?

- A. Chiếm tỉ trọng lớn trong GDP.
- B. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn.
- C. Giá trị nhập siêu ngày càng tăng.
- D. Luôn là một nước xuất siêu rất lớn.

Câu 39: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động du lịch của Hoa Kỳ?

- A. Ngành du lịch phát triển mạnh mẽ.
- B. Du khách hầu hết là khách nội địa.
- C. Có được doanh thu hàng năm lớn.
- D. Cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại.

Câu 40: Công nghiệp của Hoa Kỳ chuyển dịch theo hướng phát triển các ngành cần nhiều

- A. tri thức và tạo ra giá trị sản xuất cao.
- B. nguyên liệu và tạo ra sản lượng lớn.
- C. năng lượng, tạo hàng xuất khẩu tốt.
- D. lao động, tạo ra giá trị tiêu dùng tốt.

Câu 41: Đặc điểm nền kinh tế Hoa Kỳ

- A. nền kinh tế chưa phát triển mạnh.
- B. nền kinh tế hàng đầu thế giới.
- C. nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất, nhập khẩu.
- D. nền kinh tế ứng dụng khoa học - kĩ thuật ở mức độ thấp.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

- A. Tốc độ gia tăng tự nhiên thấp.
- B. Dân số tăng chậm.
- C. Thành phần dân tộc đa dạng.
- D. Dân số đang già đi.

Câu 43: Kiểu khí hậu nào sau đây phổ biến ở vùng phía Đông và vùng Trung tâm Hoa Kỳ?

- A. Ôn đới lục địa và hàn đới.
- B. Hoang mạc và ôn đới lục địa.
- C. Cận nhiệt đới và ôn đới.
- D. Cận nhiệt đới và xích đạo.

Câu 44: Than đá và quặng sắt có trữ lượng rất lớn của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Vùng phía Tây và vùng Trung tâm.
- B. Vùng phía Đông và vùng Trung tâm.
- C. vùng Trung tâm và bán đảo A-la-xca.
- D. Vùng phía Đông và quần đảo Ha-oai.

Câu 45: Ngành nào sau đây hoạt động khắp thế giới, tạo nguồn thu lớn và lợi thế cho kinh tế của Hoa Kỳ?

- A. Ngân hàng và tài chính.
- B. Du lịch và thương mại.
- C. Hàng không và viễn thông.
- D. Vận tải biển và du lịch.

Câu 46: Tài nguyên chủ yếu ở vùng phía Tây Hoa Kỳ là

- A. Rừng, kim loại màu và dầu mỏ.
- B. Rừng, kim loại đen, kim loại màu
- C. Rừng, thủy điện, kim loại màu.
- D. Rừng, thủy điện, than đá, dầu khí.

Câu 47: Hiện nay, ngành hàng không - vũ trụ của Hoa Kỳ phân bố tập trung ở khu vực nào sau đây?

- A. Vùng núi Cooc-đi-e và ven Ngũ Hồ.
- B. Ở vùng phía nam và Trung tâm.
- C. Ven Thái Bình Dương và phía nam.
- D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

Câu 48: Động lực phát triển nền kinh tế của Hoa Kỳ là

- A. sức mua của dân cư lớn.
- B. bán sản phẩm công nghiệp.
- C. chính sách phát triển tốt.
- D. chuyên môn hoá sản xuất.

Câu 49: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng phía Đông Hoa Kỳ?

- A. Dãy A-pa-lat với độ cao trung bình, sườn thoải.
- B. Than đá, quặng sắt trữ lượng lớn, dễ khai thác.
- C. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương rộng.
- D. Các bồn địa và cao nguyên với khí hậu khô hạn.

Câu 50: Vùng Trung tâm Hoa Kỳ có

- A. than đá, quặng sắt trữ lượng lớn, dễ khai thác.
- B. đồng bằng do phù sa sông Mi-xi-xi-pi bồi đắp.
- C. trữ năng thủy điện lớn và diện tích rừng rất lớn.
- D. dãy A-pa-lat với độ cao trung bình, sườn thoải.

Câu 51: Vùng phía Tây Hoa Kỳ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có đồng bằng phù sa màu mỡ và vùng đồi thấp, cao nguyên.
- B. Các dãy núi trẻ cao, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên.
- C. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương, dãy núi A-pa-lat.
- D. Khu vực gò đồi thấp, các đồng cỏ rộng thích hợp chăn nuôi.

Câu 52: Đặc điểm tự nhiên của vùng phía Tây Hoa Kỳ là

- A. gồm các dãy núi trẻ độ cao lớn, bồn địa, cao nguyên.
- B. gồm địa hình gò đồi thấp và có nhiều đồng cỏ rộng.
- C. có đồng bằng phù sa Mi-xi-xi-pi màu mỡ, rộng lớn.
- D. có các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương rộng.

Câu 53: Đặc điểm ngành thương mại Hoa Kỳ là

- A. đối tác thương mại chính là Việt Nam, Mê-hi-cô.
- B. thị trường nội địa có sức mua yếu và trung bình.
- C. là cường quốc về ngoại thương, nội thương nhỏ.
- D. nội thương Hoa Kỳ có quy mô đứng đầu thế giới.

Câu 54: Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm ngành thương mại Hoa Kỳ?

- A. Là cường quốc về ngoại thương và xuất khẩu lớn.
- B. Nội thương Hoa Kỳ có quy mô đứng đầu thế giới.
- C. Thị trường nội địa có sức mua yếu và trung bình.
- D. Đối tác thương mại chính là ca-na-đa và Mê-hi-cô.

Câu 55. Biểu hiện nào dưới đây quan trọng nhất cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đứng đầu thế giới?

- A. Quy mô GDP lớn, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh.
- B. Trị giá xuất khẩu hàng hoá chiếm tỉ lệ cao của thế giới.
- C. Trình độ phát triển kinh tế cao và năng suất lao động rất cao.
- D. GDP chiếm gần 25% GDP thế giới, thành viên của nhóm G7, G20.

Câu 56. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về ngành công nghiệp Hoa Kỳ?

- A. Giá trị đóng góp vào GDP ngày càng giảm.
- B. Tạo nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.
- C. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại.
- D. Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

Câu 57. Ý nào dưới đây đúng với đặc điểm chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của Hoa Kỳ?

- A. Nhiều trung tâm công nghiệp tập trung ở khu vực phía nam.
- B. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại, công nghiệp truyền thống.
- C. Áp dụng nhiều thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại vào sản xuất.
- D. Công nghiệp mở rộng xuống các bang ven vịnh Mê-hi-cô, Thái Bình Dương.

Câu 58. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về ngành nông nghiệp Hoa Kỳ

- A. Sản lượng và năng suất các loại cây trồng cao.
- B. ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.
- C. Sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn.
- D. Chiếm tỉ trọng khá cao trong cơ cấu GDP.

Câu 59: Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm ngành thương mại Hoa Kỳ?

- A. Nội thương Hoa Kỳ có quy mô nhỏ nhất thế giới.
- B. Là cường quốc về ngoại thương và xuất khẩu lớn.
- C. Thị trường nội địa có sức mua yếu và trung bình.
- D. Đối tác thương mại chính là Việt Nam, Nhật Bản.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nền kinh tế Hoa Kỳ?

- A. Hệ thống giao thông hiện đại, có đủ các loại hình.
- B. Thị trường tài chính lớn, ảnh hưởng tới toàn cầu.
- C. Nhiều vệ tinh nhất và đã thiết lập GPS toàn cầu.
- D. Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nông nghiệp Hoa Kỳ?

- A. Nền nông nghiệp hàng hóa phát triển từ sớm.
- B. Tỉ trọng sản xuất dịch vụ nông nghiệp tăng.
- C. Đa dạng hóa nông sản trên cùng một lãnh thổ.
- D. Chủ yếu là hình thức sản xuất hộ gia đình.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Sản xuất ra nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ.
- B. Tỉ trọng giá trị sản lượng trong GDP ngày càng tăng lên.
- C. Công nghiệp khai khoáng chiếm hầu hết giá trị xuất khẩu.
- D. Hiện nay, công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Công nghiệp chế biến có tỉ trọng hàng xuất khẩu cao nhất.
- B. Một số sản phẩm khai khoáng đứng vào hàng đầu thế giới.
- C. Tỉ trọng của luyện kim giảm, của hàng không - vũ trụ tăng.
- D. Công nghiệp hiện đại tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế.
- B. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.
- C. Cơ cấu hoạt động dịch vụ rất đa dạng.
- D. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Công nghiệp khai khoáng chiếm hầu hết giá trị hàng hóa xuất khẩu.
- B. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp đang giảm nhanh.
- C. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp không ngừng tăng.
- D. Các trung tâm công nghiệp chỉ phân bố nhiều ven Thái Bình Dương.

Câu 66: Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên của vùng Trung tâm Hoa Kỳ?

- A. Phần phía Nam là đồng bằng phù sa màu mỡ thuận lợi trồng trọt.
- B. Phần phía Tây, phía Bắc có địa hình đồi gò thấp và nhiều đồng cỏ.
- C. Nhiều loại khoáng sản với trữ lượng lớn: than, quặng sắt, dầu khí.
- D. Phía bắc có khí hậu ôn đới và vịnh Mê-hi-cô có khí hậu nhiệt đới.

Câu 67: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới và ngày càng hiện đại hóa.
- B. Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- C. Sản xuất theo hướng đa dạng hóa nông sản trên cùng một lãnh thổ.
- D. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu để cung cấp cho nhu cầu trong nước.

Câu 68: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh, sản lượng lớn.
- B. Nền kinh tế hàng hóa hình thành sớm và phát triển mạnh.
- C. Nông nghiệp sản xuất theo hướng quảng canh, quy mô lớn.
- D. Có giá trị xuất khẩu nông sản đứng vào hàng đầu thế giới.

Câu 69: Nhận định nào sau đây đúng khi nói về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ?

- A. Thông tin liên lạc rất hiện đại, nhưng chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.
- B. Ngành du lịch phát triển mạnh, doanh thu du lịch thấp và du khách ít.
- C. Ngành ngân hàng và tài chính chỉ hoạt động trong phạm vi trong nước.
- D. Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

3. VẬN DỤNG.

Câu 1: Nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ là do

- A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất.
- B. trình độ sản xuất còn kém, năng suất lao động thấp.
- C. lao động sản xuất thủ công, khoa học kĩ thuật kém phát triển.
- D. công nghiệp, dịch vụ rất phát triển, mang lại nhiều lợi nhuận.

Câu 2: Sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ chịu tác động chủ yếu nhất của các nhân tố nào sau đây?

- A. Đất đai và khí hậu.
- B. Khí hậu và giống cây.
- C. Giống và thị trường.
- D. Thị trường và lao động.

Câu 3: Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao **không** phải là do

- A. phát triển cao độ nền kinh tế thị trường.
- B. đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu phát triển.

C. lao động năng suất cao, tiêu dùng nhiều.

D. khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên.

Câu 4: Các tiêu cực của đô thị hóa ở Hoa Kỳ được hạn chế một phần nhờ vào việc người dân tập trung sinh sống ở các

A. đô thị cực lớn.

B. đô thị vệ tinh.

C. vùng ven đô thị.

D. vùng nông thôn.

Câu 5: Khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc ở Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây?

A. Các đồng bằng nhỏ ven Thái Bình Dương.

B. Các bồn địa và cao nguyên ở vùng phía Tây.

C. Khu vực giữa dãy A-pa-lat và dãy Rốc-ki.

D. Vùng đồi núi rộng thuộc bán đảo A-la-xca.

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây của vị trí địa lí có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kỳ?

A. Phía Bắc tiếp giáp với Ca-na-đa rộng lớn và đường biển kéo dài.

B. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, có phía Bắc nằm gần với vòng cực.

C. Nằm ở trung tâm Bắc Mỹ, tiếp giáp các quốc gia và đại dương lớn.

D. Tiếp giáp với khu vực Mĩ La-tinh và nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc.

Câu 7: Hình dạng cân đối của lãnh thổ Hoa Kỳ ở phần đất trung tâm Bắc Mỹ thuận lợi cho

A. phân bố dân cư và khai thác khoáng sản.

B. phân bố sản xuất và phát triển giao thông.

C. giao lưu với Tây Âu qua Đại Tây Dương.

D. dễ dàng để giao lưu kinh tế giữa các miền.

Câu 8: Khí hậu của vùng đồng bằng ven biển Đại Tây Dương của Hoa Kỳ thuận lợi cho trồng

A. các cây lương thực và cây ăn quả.

B. các cây công nghiệp và cây ăn quả.

C. cây dược liệu và cây công nghiệp.

D. cây công nghiệp và cây dược liệu.

Câu 9: Thế mạnh nổi bật trong phân bố dân cư Hoa Kỳ là

A. mật độ dân số chung vào loại rất thấp.

B. phân bố dân cư không đều.

C. phân bố dân cư tương đối năng động.

D. tỉ lệ dân thành thị rất cao.

Câu 10: Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển mạnh **không** do nguyên nhân nào sau đây?

A. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú.

B. Nguồn lao động dồi dào, có trình độ kĩ thuật, năng suất lao động cao.

C. Quy trình sản xuất ổn định, ít có sự thay đổi, cơ cấu ngành kinh tế đa dạng.

D. phát triển nền kinh tế tri thức từ sớm, kinh tế thị trường phát triển ở mức rất cao.

Câu 11: Dân cư Hoa kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam do nguyên nhân chủ yếu là

A. sự dịch chuyển của phân bố công nghiệp.

B. sự thu hút của các điều kiện sinh thái.

C. tâm lí thích dịch chuyển của người dân.

D. có nhiều đô thị mới xây dựng hấp dẫn.

Câu 12: Biểu hiện của nền kinh tế tri thức ở Hoa Kỳ **không** phải là

A. hiện đại hóa cao thông tin, liên lạc.

B. phát triển mạnh hàng không - vũ trụ.

C. phân bố công nghiệp về phía nam.

D. Mở rộng ngành dịch vụ viễn thông.

Câu 13: Để giảm thiểu phát thải các khí nhà kính, Hoa Kỳ chú ý biện pháp

A. phát triển kĩ thuật sản xuất truyền thống.

B. hiện đại hóa máy móc, thiết bị và kĩ thuật.

C. sử dụng các năng lượng không tái tạo.

D. phân bố lại các nhà máy xí nghiệp sản xuất.

Câu 14: Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy sản ở Hoa Kỳ là

A. phương tiện đánh bắt, nuôi trồng hiện đại.

B. thị trường tiêu thụ lớn, cơ sở chế biến phát triển.

C. khí hậu đa dạng, tiếp giáp với các đại dương lớn.

D. tiếp giáp các đại dương lớn; mạng lưới sông, hồ dày đặc.

Câu 15: Dân cư Hoa Kỳ tập trung đông ở vùng Đông Bắc chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.

B. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

C. Đặc điểm phát triển kinh tế.

D. Tính chất của nền kinh tế.

Câu 16: Điều kiện kinh tế, xã hội thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy sản ở Hoa Kỳ là

A. thị trường tiêu thụ lớn, cơ sở chế biến phát triển.

B. phương tiện đánh bắt hiện đại, thị trường tiêu thụ rộng.

C. có nhiều ngư trường, tiếp giáp với các đại dương lớn.

D. tiếp giáp các đại dương lớn; mạng lưới sông, hồ dày đặc.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ?

- A.** Tăng nhanh tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- B.** Giảm tỉ mạnh trọng hoạt động thuần nông.
- C.** Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.
- D.** Đa dạng hóa nông sản trên một diện tích.

Câu 18: Vùng Đông Bắc của Hoa Kỳ là nơi tập trung các ngành sản xuất chủ yếu nào sau đây?

- A.** Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, điện tử - tin học.
- B.** Hóa dầu, hàng không - vũ trụ, dệt may, luyện kim.
- C.** Đóng tàu, dệt may, chế tạo ô tô, hàng không - vũ trụ.
- D.** Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt may.

Câu 19: Vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương của Hoa Kỳ là nơi tập trung các ngành công nghiệp

- A.** luyện kim, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.
- B.** dệt may, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.
- C.** hóa dầu, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.
- D.** chế tạo ô tô, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.

Câu 20. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020. (Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389.6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020.

- A.** Trị giá xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- B.** Trị giá nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.
- C.** Trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.
- D.** Cán cân thương mại Hoa Kỳ xuất siêu.

Câu 21. Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,5	2 794,8	2 776,1

Theo bảng số liệu, tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2000 và năm 2020 lần lượt là

- A.** 41,1 % và 45,9 %.
- B.** 51,6 % và 46,6 %.
- C.** 41,1 % và 54,5 %.
- D.** 42,6 % và 43,6 %.

4. VẬN DỤNG CAO.

Câu 1: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về lợi ích to lớn do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ?

- 1) Nguồn lao động có trình độ cao.
- 2) Tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu.
- 3) Bổ sung thêm nguồn vốn.
- 4) Hạn chế tỉ suất sinh thô.

- A.** 1.
- B.** 2.
- C.** 3.
- D.** 4.

Câu 2: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng với Hoa Kỳ?

- A. 1.** **B. 2.** **C. 3.** **D. 4.**

4) Ngành du lịch phát triển chậm, số lượng du khách giảm, doanh thu ít.

- 4) Diện tích rộng lớn và hình dạng lãnh thổ cân đối.

- 4) Có trữ năng thủy điện lớn, giàu tiềm năng về hải sản và phát triển du lịch.

- 5) Biển có vai trò quan trọng, là cơ sở để phát triển nhiều ngành kinh tế biển.

- D.** địa hình vùng trung tâm có dạng lòng máng.

D. đồng bằng hẹp với đất màu mỡ; có khí hậu cận xích đạo.

D. Phụ thuộc nhiều vào các nguồn đầu tư lớn từ nước ngoài.

D. đồng bằng rộng lớn, đất đai tốt, khí hậu ôn đới lục địa.

D. Mỗi khu vực nông nghiệp phát triển nhiều loại nông sản hàng hóa.

4) Giảm xuất khẩu nông sản thô, tăng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

D. Đường lối chính sách phù hợp, trình độ cơ giới hóa cao, sản xuất đa dạng.

D. Thương mại phát triển mạnh; có vùng biển rộng; hội nhập kinh tế sâu.

GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

D. Kết hợp.

GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Tròn.

C. Đường.

D. Kết hợp.

Câu 17. Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH QUỐC TẾ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2020.

Năm	2005	2010	2015	2020
Khách du lịch quốc tế đến (triệu lượt người)	71,5	162,3	176,9	45,0
Doanh thu du lịch quốc tế (triệu USD)	116 682	61 821	230 570	84 205

(Nguồn: WB,2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượt khách du lịch và doanh thu du lịch quốc tế của Hoa Kỳ, giai đoạn 2005 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Miền.

C. Kết hợp.

D. Đường.

Câu 18. Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960 - 2020

Năm	1960	1980	2000	2005	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	296,5	331,5

(Nguồn: WB,2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện qui mô dân số Hoa Kỳ, giai đoạn 1960 – 2020, có thể vẽ được dạng biểu đồ nào sau đây?

A. Cột, tròn.

B. Cột, miền.

C. Cột, đường.

D. Đường, kết hợp.

Câu 19. Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,5	2 794,8	2 776,1

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2020, có thể vẽ được dạng biểu đồ nào sau đây?

A. Miền, cột.

B. Tròn, đường.

C. Kết hợp, cột.

D. Đường, cột.

Câu 20. Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ dân thành thị (%)	79,1	80,8	81,7	82,7

(Nguồn: WB,2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân và tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ, giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Kết hợp.

B. Cột.

C. Tròn.

D. Đường.

Câu 21. Cho bảng số liệu sau:

QUI MÔ VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2005 - 2021

Năm	2005	2010	2015	2021
Quy mô GDP (tỉ USD)	13 039,2	15 048,9	18 206,0	22 996,1
Tốc độ tăng trưởng (%)	3,5	2,7	2,7	5,7

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện qui mô và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, giai đoạn 2005 – 2021, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Kết hợp.
C. Tròn. D. Đường.

Câu 22. Cho bảng số liệu sau:

**TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,5	2 794,8	2 776,1
Tổng số	2 573,3	3 343,1	3 246,7	5 062,3	4 824,7

Theo bảng số liệu, để thể hiện tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2020, có thể vẽ được dạng biểu đồ nào sau đây?

- A. Tròn, cột, đường. B. Tròn, đường, kết hợp.
C. Cột, đường, miền. D. Đường, miền, tròn.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

“ Hoa Kỳ là một đất nước được thành lập và xây dựng bởi những người nhập cư từ khắp nơi trên thế giới. Kết quả là, đây là nơi có nhiều người nhập cư hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Tính đến năm 2021, hơn 45,3 triệu người sống ở Mỹ là người sinh ra ở nước ngoài, chiếm khoảng 1/5 số người di cư trên thế giới”

- a) Nguồn lao động nhập cư thường có thành phần đơn giản và giá nhân công rẻ.
b) Người nhập cư có nhiều màu da và chủng tộc khác nhau.
c). Nguồn lao động nhập cư thường có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm.
d) Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it

→ Đáp án: b, c: đúng; a, d: sai.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, với khoảng 9,5 triệu km². Hoa Kỳ nằm gần như ở bán cầu Tây, phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ kéo dài từ 49°23'B đến 24°32'B và từ 67°T đến 124°44'T. Phía bắc Hoa Kỳ giáp với Canada, phía nam giáp với Mêhicô. Bang Alaska giáp với Canada ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

- a) Phần lớn Hoa Kỳ nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.
b) Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nhất ở Bắc Mỹ.
c) Lãnh thổ rộng lớn của Hoa Kỳ làm cho tự nhiên thay đổi từ bắc xuống nam, từ thấp lên cao.
d) Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế bằng đường biển qua Đại Tây Dương với các nước Châu Phi và Châu Âu.

→ Đáp án: b, c, d: đúng; a: sai.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia có diện tích rộng lớn, khoảng 9,8 triệu km². Lãnh thổ Hoa Kỳ bao gồm: phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ, bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai. Lãnh thổ rộng lớn, thiên nhiên phân hóa, tạo điều kiện phát triển kinh tế đa dạng”

- a) Bán đảo A-la-xca nằm ở phía tây nam của Bắc Mỹ, có địa hình chủ yếu là đồi núi.
- b) Quần đảo Ha-oai nằm giữa Thái Bình Dương, là địa điểm thu hút khách du lịch.
- c) Phần trung tâm Bắc Mỹ có khí hậu chủ yếu là kiểu khí hậu ôn đới và cận nhiệt.
- d) Sông ngòi ở phía đông Hoa Kỳ có nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước mưa.

→ **Đáp án: b, c: đúng; a,d: sai.**

Câu 4: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ có ngành nông nghiệp phát triển, đứng đầu thế giới về sản lượng ngũ cốc (lúa mì, ngô...). Mặc dù nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1% GDP nhưng sản phẩm nông nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn, khoảng 75 - 80 tỉ USD mỗi năm. Lương thực được sản xuất ra rất an toàn, có chất lượng cao, phong phú và giá cả phải chăng. Nền nông nghiệp Hoa Kỳ cũng đạt được sự dồi dào và đa dạng nhất trên thế giới.

- a) Chuyên vành đai chuyên canh sang các vùng sản xuất nhiều loại nông sản.
- b) Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- c) Tăng số lượng trang trại cùng với tăng diện tích bình quân mỗi trang trại.
- d) Giảm xuất khẩu nông sản để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

→ **Đáp án: a, b, d: đúng; c: sai.**

Câu 5: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1960 - 2020

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	186,7	229,5	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ tăng dân số (%)	1,6	0,94	1,14	0,88	0,59

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Số dân Hoa Kỳ liên tục tăng ở giai đoạn 1960 - 2020.
- b) Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu là do tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên tăng nhanh.
- c) Người nhập cư đã đem lại cho Hoa Kỳ nguồn lao động có trình độ cao, đa dạng về văn hóa.
- d) Các dạng biểu đồ thích hợp thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 1960 – 2020 là cột, đường, kết hợp.

→ **Đáp án: a, c, d: đúng; b: sai.**

Câu 6: Cho thông tin sau:

Vườn quốc gia Ye-lô-xton nằm ở bang Oai-ô-minh, Môn-ta-na và Ai-đa-hô của Hoa Kỳ. Được thành lập vào ngày 1/3/1872 có diện tích hơn 8900 km², Ye-lô-xton là vườn quốc gia đầu tiên trên thế giới với hệ động, thực vật hoang dã phong phú, có giá trị cao. Đặc biệt có các điểm địa nhiệt, nổi tiếng nhất là mạch nước phun Ô – phát – phun.

(Nguồn: khoahoc.tv)

- a) Ye-lô-xton là vườn quốc gia đầu tiên trên thế giới có hệ động thực vật hoang dã phong phú.
- b) Là vườn quốc gia có giá trị khai thác năng lượng trong lòng đất.
- c) Được thành lập vào thế kỉ 19, có diện tích hơn 8900 km².
- d) Vườn quốc gia mang lại giá trị kinh tế cao, cho phép khai thác động thực vật và gỗ quý.

→ **Đáp án: a, b, c: đúng; d: sai.**

Câu 7. Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2018 (Đơn vị:%)

Năm	2000	2002	2004	2006	2018
Nhập khẩu	61,7	63,4	65,1	61,7	58,1
Xuất khẩu	38,3	36,6	34,9	38,3	41,9

- a) Tỉ trọng giá trị nhập khẩu liên tục tăng.
- b) Chênh lệch tỉ trọng giá trị nhập khẩu và xuất khẩu năm 2018 là thấp nhất.
- c) Hoa Kỳ là nước xuất siêu.
- d) Tỉ trọng giá trị xuất khẩu tăng 1,09 lần.

→ **Đáp án: b, d: đúng; a, c: sai.**

Câu 8. Cho thông tin sau: Hoa Kỳ là đất nước có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.

- a) Có hệ thống giao thông hiện đại với đầy đủ các loại hình.
- b) Thị trường tài chính lớn, có sức ảnh hưởng tới toàn cầu.

c) Là cường quốc về hàng không vũ trụ.

d) Ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP.

→ **Đáp án: a, b, c: đúng; d: sai.**

Câu 9. Cho bảng số liệu: **CƠ CẤU GDP CỦA HOA KỲ, NĂM 2010 VÀ 2020 (Đơn vị: %)**

Năm	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,0	1,1
Công nghiệp, xây dựng	19,3	18,4
Dịch vụ	76,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,4	0,4

a) Tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng tăng nhẹ.

b) Tỉ trọng dịch vụ luôn cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ và ngày càng tăng.

c) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng giá trị vẫn rất lớn.

d) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ năm 2010 và 2020.

→ **Đáp án: a, b, c: đúng; d: sai.**

Câu 10. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	295,5	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,2	0,9	0,9	0,8	0,6

a) Số dân của Hoa Kỳ tăng nhanh nhưng không liên tục.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ tăng dần qua các năm.

c) Số dân Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do nhập cư.

d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 - 2020.

→ **Đáp án: c: đúng; a, b, d: sai.**

Câu 11: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, cách xa các trung tâm kinh tế khác: giáp Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, dễ dàng giao lưu với các nước khác trên Thế giới bằng đường biển; tiếp giáp Ca-na-đa và Mê-hi-cô là những quốc gia có nguồn tài nguyên phong phú, đồng thời là những thị trường tiêu thụ rộng lớn.

a) Không bị 2 cuộc chiến tranh tàn phá.

b) Thu hút mạnh lực lượng lao động từ khắp nơi trên thế giới.

c) Hiện tại vẫn độc chiếm thị trường Nam Mỹ.

d) Việc trao đổi hàng hóa giữa Hoa Kỳ và Ca-na-đa chủ yếu bằng đường bộ.

→ **Đáp án: a, b, c: đúng; d: sai.**

Câu 12: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ là một đất nước được thành lập và xây dựng bởi những người nhập cư từ khắp nơi trên thế giới. Kết quả là, đây là nơi có nhiều người nhập cư hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Tính đến năm 2021, hơn 45,3 triệu người sống ở Mỹ là người sinh ra ở nước ngoài, chiếm khoảng 1/5 số người di cư trên thế giới.

a) Nguồn lao động nhập cư thường có thành phần đơn giản và giá nhân công rẻ.

b) Người nhập cư có nhiều màu da và chủng tộc khác nhau.

c) Nguồn lao động nhập cư thường có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm.

d) Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it.

→ **Đáp án: b, c: đúng; a, d: sai.**

Câu 13: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia có diện tích rộng lớn, khoảng 9,8 triệu km². Lãnh thổ Hoa Kỳ bao gồm: phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ, bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai. Lãnh thổ rộng lớn, thiên nhiên phân hóa, tạo điều kiện phát triển kinh tế đa dạng.

- a) Bán đảo A-la-xca nằm ở phía tây nam của Bắc Mỹ, có địa hình chủ yếu là đồi núi.
- b) Quần đảo Ha-oai nằm giữa Thái Bình Dương, là địa điểm thu hút khách du lịch.
- c) Phần trung tâm Bắc Mỹ có khí hậu chủ yếu là kiểu khí hậu ôn đới và cận nhiệt.
- d) Sông ngòi ở phía đông Hoa Kỳ có nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước mưa.

→ **Đáp án: b, c: đúng; a,d: sai.**

Câu 14: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sau đây đúng, sai về vị trí địa lí và lãnh thổ Hoa Kỳ?

- a) Lãnh thổ rộng lớn bao gồm phần nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mỹ, bán đảo Alaxca và quần đảo Ha-oai.
- b) Phần lãnh thổ Trung tâm Bắc Mỹ nằm giữa hai đại dương lớn, tiếp giáp với Canada và khu vực Mỹ La Tinh.
- c) Bán đảo Alaxca nằm ở phía Đông bắc của Bắc Mỹ và quần đảo Haoai nằm giữa Đại tây Dương.
- d) Lãnh thổ Hoa Kỳ trải dài trong cả hai bán cầu là bán cầu bắc và bán cầu nam.

→ **Đáp án: a, b: đúng; c,d: sai.**

Câu 15: Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, cách xa các trung tâm kinh tế khác; giáp Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, dễ dàng giao lưu với các nước khác trên thế giới bằng đường biển; tiếp giáp Ca- na- đa và Mê-hi-cô là những quốc gia có nguồn tài nguyên phong phú, đồng thời là những thị trường tiêu thụ rộng lớn.

- a) Hoa Kỳ nằm gần các trung tâm kinh tế nên dễ dàng giao lưu phát triển kinh tế.
- b) Giáp Ca- na- đa và Mê-hi- cô nên có thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- c) Giáp các đại dương trên thế giới nên thuận lợi để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.
- d) Do nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây nên chịu sự tàn phá của hai cuộc đại chiến thế giới.

→ **Đáp án: b,c: đúng; a,d: sai.**

Câu 16. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA HOA KỲ, NĂM 2010 VÀ 2020 (Đơn vị: %)

Năm	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,0	1,1
Công nghiệp, xây dựng	19,3	18,4
Dịch vụ	76,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,4	0,4

- a) Tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng tăng nhẹ.
- b) Tỉ trọng dịch vụ luôn cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ và ngày càng tăng.
- c) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng giá trị vẫn rất lớn.
- d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ năm 2010 và 2020.

→ **Đáp án: b,c: đúng; a,d: sai.**

Câu 17: Cho bảng số liệu:

GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 2000- 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
Tiêu chí						
GDP (tỉ USD)	10250,9	13039,2	15049,0	18206,0	21372,6	20893,7
Tốc độ tăng trưởng GDP(%)	4,1	3,5	2,7	2,7	2,3	-3,4

- a) GDP có xu hướng tăng đều qua các năm.
- b) Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm.
- c) Giai đoạn 2015-2019 GDP của Hoa Kỳ tăng nhanh nhất.
- d) Giai đoạn 2019-2020 tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất và đạt giá trị âm.

→ **Đáp án: b,c,d: đúng; a: sai.**

Câu 18 : Cho bảng số liệu

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 1960-2020

Năm	1960	1980	2000	2010	2020
Số dân (triệu người)	180,7	227,2	282,2	309,0	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,7	1,0	1,2	0,9	0,6

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Dân số của Hoa Kỳ có xu hướng giảm.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kỳ tăng.
- c) Quy mô dân số Hoa Kỳ năm 2020 gấp khoảng 1,83 lần năm 1960.
- d) Tỷ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 bằng $\frac{1}{2}$ năm 2000.

→ **Đáp án: c,d: đúng; a,b: sai.**

Câu 19. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	295,5	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,2	0,9	0,9	0,8	0,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a) Số dân của Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 -2020 tăng liên tục.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ giảm liên tục qua các năm.
- c) Năm 2000, Hoa Kỳ có tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ cao nhất.
- d) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số Hoa Kỳ, giai đoạn 2000-2020.

→ **Đáp án: a,c: đúng; b,d: sai.**

Câu 20: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000-2020.

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

- a) Giá trị nhập khẩu luôn thấp hơn xuất khẩu.
- b) Cán cân xuất khẩu của Hoa Kỳ luôn dương.
- c) Tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 2000 lớn hơn năm 2020.
- d) Các dạng biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 là tròn, miền, cột.

→ **Đáp án: d: đúng; a,b,c: sai.**

Câu 21: cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1096,1	1301,6	1857,2	2268,5	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2041,45	2389,6	2794,8	2776,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a) Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020 biểu đồ thích hợp nhất là đường.

b) Năm 2020 có tổng giá trị xuất nhập khẩu ít hơn năm 2015.

c) Năm 2010 Hoa Kỳ là nước nhập siêu.

d) Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.

→ **Đáp án: b,c: đúng; a,d: sai.**

Câu 22. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP THEO NGÀNH CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2000	2010	2019	2020
Nông, lâm, thủy sản	1,2	1,0	0,9	1,1
Công nghiệp, xây dựng	22,5	19,3	18,2	18,4
Dịch vụ	72,8	76,3	77,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ nợ cấp sản phẩm	3,5	3,4	3,6	0,4

a) Trong cơ cấu kinh tế, ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

b) Tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng giảm liên tục và khá nhanh.

c) Tỉ trọng ngành nông, lâm, thủy sản giảm liên tục.

d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ năm 2000 và 2020.

→ **Đáp án: a,d: đúng; b,c: sai.**

Câu 23. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP CỦA HOA KỲ, NĂM 2010 VÀ 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1,0	1,1
Công nghiệp, xây dựng	19,3	18,4
Dịch vụ	76,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,4	0,4

a) Tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng tăng nhẹ.

b) Tỉ trọng dịch vụ luôn cao nhất trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ và ngày càng tăng.

c) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ nhưng giá trị vẫn rất lớn.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ năm 2010 và 2020.

→ **Đáp án: b,c: đúng; a,d: sai.**

Câu 24. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	295,5	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,2	0,9	0,9	0,8	0,6

a) Số dân của Hoa Kỳ tăng nhanh nhưng không liên tục.

b) Giai đoạn 2000 – 2020, gia tăng tự nhiên giảm 0,6‰.

c) Nhập cư là một trong những nguyên nhân quan trọng trong tăng dân số Hoa Kỳ.

d) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 - 2020.

→ **Đáp án: c: đúng; a,b,d: sai.**

Câu 25. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 - 2021

Năm	2005	2010	2015	2021
-----	------	------	------	------

Quy mô GDP (tỉ USD)	13 039,2	15 048,9	18 206,0	22 996,1
Tốc độ tăng trưởng (%)	3,5	2,7	2,7	5,7

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

- a) Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn và tăng nhanh liên tục.
b) Tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm sau luôn cao hơn năm trước.
c) Tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ thấp nên giá trị GDP mang lại hàng năm nhỏ.
d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, giai đoạn 2005 - 2021.

→ **Đáp án: a,d: đúng; b,c: sai.**

Câu 26. Cho đoạn thông tin sau:

“Hoa Kỳ là nước có nền nông nghiệp phát triển hiện đại hàng đầu thế giới, lao động nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1 % dân số, nhưng tạo nên một khối lượng của cải lớn. Khoa học kĩ thuật được áp dụng ở mọi khâu trong quá trình sản xuất. Nhờ kĩ thuật biến đổi gen, họ đã có nhiều giống cây trồng mới cho năng suất cao, chịu được sâu bệnh, bảo quản trong thời gian dài, không gây hại sức khỏe người tiêu dùng. Máy móc được sử dụng ở mọi khâu. Khi đến các vùng trồng trọt sẽ khó nhìn thấy lớp đất vì người nông dân sử dụng lớp phủ dẻo phủ lên đất để giữ nước và chống cỏ mọc, chất độc hại. Nước thải và phân bón đã được tính toán theo hệ thống tưới nhỏ giọt để tưới ngay vào gốc”.

- a) Tỷ lệ lao động nông nghiệp thấp nhưng khối lượng của cải lớn.
b) Khoa học kĩ thuật được áp dụng ở mọi khâu của sản xuất.
c) Ít giống mới cho năng suất cao, ít có khả năng chịu sâu bệnh.
d) Lượng nước tưới và phân bón đã được tính toán.

→ **Đáp án: a,b,d: đúng; c: sai.**

Câu 27: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000-2022.

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm				
Trị giá	2000	2010	2020	2022
Xuất khẩu	781,9	1278,5	1424,9	2064,3
Nhập khẩu	1259,3	1969,2	2406,9	3375,8

(Nguồn: WB, 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ tăng liên tục.
b) Trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm.
c) Trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ luôn nhỏ hơn nhập khẩu.
d) Trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng 4 lần trong giai đoạn 2000 – 2022.

→ **Đáp án: a,c: đúng; b,d: sai.**

Câu 28. Cho thông tin sau.

Dân cư Hoa Kỳ có nhiều nguồn gốc khác nhau. Các dòng nhập cư vào Hoa Kỳ bắt đầu từ khi phát kiến ra châu Mỹ (năm 1492). Từ năm 1790 đến năm 1994, có gần 64 triệu người nhập cư từ châu Âu, Mỹ Latinh, châu Âu và châu Phi đến Hoa Kỳ. Năm 2015, trong tổng dân số của Hoa Kỳ có hơn 43 triệu người nhập cư và tăng lên đến khoảng 50 triệu người vào năm 2020.”

- a) Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư.
b) Hiện nay thành phần dân cư nhiều nhất là người gốc Phi.
c) Dân nhập cư đông cung cấp cho Hoa Kỳ lực lượng lao động dồi dào, có trình độ.
d) Dân nhập cư ít tác động đến vấn đề văn hóa của Hoa Kỳ.

→ **Đáp án: a,c: đúng; b,d: sai.**

Câu 29: Cho thông tin sau.

Hoa Kỳ là quốc gia có diện tích rộng lớn, với khoảng 9,5 triệu Km². Hoa Kỳ nằm gần như ở bán cầu Tây. Phía bắc Hoa Kỳ giáp Ca-na-đa và phía nam giáp Mê-hi-cô. Bang A-la-xa (Alaska) giáp với Ca-na-đa ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.”

a) Vị trí địa lí của Hoa Kỳ thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Thái Bình Dương.

b) Việc tiếp giáp với 2 đại dương lớn là TBD và ĐTD giúp Hoa Kỳ tránh được ảnh hưởng của 2 cuộc chiến tranh thế giới.

c) Lãnh thổ rộng lớn kéo dài trên nhiều vĩ độ làm cho thiên nhiên Hoa Kỳ đa dạng, có sự phân hóa sâu sắc.

d) Hoa Kỳ là đất nước ít bị ảnh hưởng của thiên tai.

→ **Đáp án: b,c: đúng; a,d: sai.**

Câu 30. Cho thông tin sau.

Ngành công nghiệp đóng góp hơn 18% GDP của Hoa Kỳ (năm 2020). Đây là ngành quan trọng đối với việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Giá trị đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp không ngừng tăng, từ hơn 3 300 tỉ USD (năm 2015) tăng lên hơn 3 800 tỉ USD (năm 2020).

a) Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay phát triển với tốc độ nhanh.

b) Ngành CN Hoa Kỳ phát triển mạnh nhờ vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ La Tinh.

c) Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, quốc phòng của Hoa Kỳ là ngành đứng hàng đầu thế giới.

d) Hiện nay hoạt động CN của Hoa Kỳ có xu hướng mở rộng xuống phía Nam và sang phía Tây.

→ **Đáp án: c,d: đúng; a,b: sai.**

Câu 31. Đọc đoạn thông tin sau.

Nông nghiệp chỉ chiếm 1% GDP của Hoa Kỳ nhưng đóng góp hơn 220 tỉ USD cho GDP Hoa Kỳ (năm 2020). Hoa Kỳ có diện tích đất nông nghiệp lớn, chiếm hơn 40% tổng diện tích tự nhiên. Đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu phân hóa đa dạng, tạo điều kiện cho Hoa Kỳ có thể phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi khác nhau.

a) Hoa Kỳ là quốc gia có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới.

b) Lúa gạo và cây ăn quả nhiệt đới của Hoa Kỳ phân bố chủ yếu ở các bang vùng Đông Bắc.

c) Cơ cấu nông nghiệp Hoa Kỳ đang có xu hướng giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

d) Hình thức tổ chức nông nghiệp của Hoa Kỳ chủ yếu là nông trường quốc doanh.

→ **Đáp án: a,c: đúng; b,d: sai.**

Câu 32. Cho thông tin sau.

Ngành ngoại thương của Hoa Kỳ phát triển, hàng hoá đa dạng, kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn (đạt 3 580 tỉ USD, năm 2020). Các sản phẩm xuất khẩu chính là các sản phẩm của ngành lọc hoá dầu, sản xuất ô tô, sản xuất linh kiện điện tử, nông sản có giá trị cao như đậu tương, ngô, thịt lợn, thịt bò,... Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Trung Quốc, Nhật Bản,... Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu hàng đầu thế giới, với giá trị nhập khẩu đạt 2240 tỉ USD (năm 2020), một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là ô tô, máy tính, dầu thô,...

a) Hoa Kỳ là cường quốc về ngoại thương.

b) Thị trường xuất khẩu chính của Hoa Kỳ là các quốc gia thuộc nhóm nước phát triển.

c) Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành nông nghiệp, nông sản...

d) Sự phát triển của thương mại điện tử góp phần to lớn vào việc đẩy mạnh hoạt động ngoại thương Hoa Kỳ.

→ **Đáp án: a,c: đúng; b,d: sai.**

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
-----	------	------	------	------	------

Trị giá					
Xuất khẩu	1096,1	1301,6	1857,2	2268,5	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2041,45	2389,6	2794,8	2776,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tỉ trọng nhập khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 56**

Câu 2: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Dầu mỏ	347,6	333,1	712,7

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 205**

Câu 3: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781,9	901,1	1 278,5	1 502,5	1 424,9
Nhập khẩu	1 259,3	1 732,7	1 969,2	2 315,3	2 406,9

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án: -982**

Câu 4: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm	2000	2010	2019	2020
Sản phẩm				
Than đá (triệu tấn)	974,0	983,7	640,8	484,7
Dầu mỏ (triệu tấn)	347,6	333,1	747,8	712,7
Khí tự nhiên (tỉ m³)	518,6	575,2	930,0	914,6
Điện (tỉ kwh)	4 052,3	4 394,3	4411,2	4 286,6

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2020 của điện là bao nhiêu %, coi năm 2000 = 100% (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 105,8**

Câu 5: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000-2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2010	2020
Tiêu chí			
Xuất khẩu	1096,1	1857,2	2148,6
Nhập khẩu	1477,2	2389,6	2776,1

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính giá trị nhập siêu trung bình của Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2015? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án: 514**

Câu 4: Cho bảng số liệu**GDP CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2005-2020***(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2005	2014	2018	2020
GDP	13,039	17,550	20,527	20,893

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 160**

Câu 6: Cho bảng số liệu:**GDP CỦA HOA KỲ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020***(Đơn vị: tỉ USD)*

Châu lục/quốc gia	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	20 893,74	20 796,66	32 797,13	2 350,14

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu năm 2020, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của châu Phi? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án: 8,9**

Câu 7: Cho bảng số liệu:**SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020***(Đơn vị: triệu tấn)*

Năm	2000	2010	2020
Dầu mỏ	347,6	333,1	712,7

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 205**

Câu 8: Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ là 4924,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là – 627,5 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án: 2776**

Câu 9. Cho bảng số liệu:**QUY MÔ GDP HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 - 2021***(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2005	2010	2015	2021
Giá trị GDP	13039,2	15048,9	18206,0	22996,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2021 so với năm 2005 (coi 2005 = 100%. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án: 176**

Câu 10: Cho bảng số liệu:**TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020***(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	781,9	901,1	1 278,5	1 502,5	1 424,9
Nhập khẩu	1 259,3	1 732,7	1 969,2	2 315,3	2 406,9

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án: -982**

Câu 11. Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 2776,1 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án: -628**

Câu 12. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2021 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2021
Giá trị GDP	13039,2	15048,9	18206,0	22996,1

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ năm 2021 so với năm 2005 (coi 2005 = 100%. Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án: 196**

Câu 13. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	84906,81	20893,74	20796,66	32797,13	2350,14

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 25**

Câu 14: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỔNG SỐ DÂN CỦA HOA KỲ NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Số dân thành thị	Tổng số dân
273,9	331,5

(Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

→ **Đáp án: 83**

Câu 15: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA HOA KỲ NĂM 2020

Diện tích (triệu km ²)	Số dân (triệu người)
9,8	331,5

(Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

→ **Đáp án: 34**

Câu 16. Biết trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 2776,1 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án: 4925**

Câu 17. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA HOA KỲ SO VỚI THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Châu lục/quốc gia	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
GDP	84906,81	20893,74	20796,66	32797,13	2350,14

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 25**

Câu 18: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên. Tính tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ năm 2020 tăng bao nhiêu lần so với năm 2000? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai)

→ **Đáp án: 1,91**

Câu 19: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên. Tính tỉ trọng xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ năm 2020? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 43,6**

Câu 20. Năm 2020, Hoa Kỳ có 45,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến và đạt doanh thu du lịch quốc tế là 84 205 triệu USD (Nguồn: WB, 2022). Tính bình quân chi tiêu du lịch của khách quốc tế đến Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người)?

→ **Đáp án: 1871**

Câu 21. Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới: Năm 2022, GDP của Hoa Kỳ là 25439,7 tỉ USD, GDP của Trung Quốc đạt 17963,2 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2022, GDP của Hoa Kỳ gấp bao nhiêu lần GDP của Trung Quốc (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

→ **Đáp án: 1,4**

Câu 22. Đầu tư ra nước ngoài của toàn thế giới năm 2021 là 2 120,2 tỉ USD; trong đó đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kỳ là 421,8 tỉ USD. Tính tỷ lệ đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kỳ so với thế giới năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 20**

Câu 23. Năm 2020, dân số của Hoa Kỳ là 331,5 triệu người; GDP là 20 893,7 tỉ USD. Tính thu nhập bình quân đầu người của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD/ người)

63

Câu 24. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA HOA KỲ, NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	18,4
Từ 15 đến 64 tuổi	65,0
Từ 65 tuổi trở lên	16,6

Căn cứ vào bảng số liệu, tính số dân trong nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi, biết tổng số dân Hoa Kỳ năm 2020 là 331,5 triệu người. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

→ **Đáp án: 61**

Câu 25. Số dân đầu năm 2020 của Hoa Kỳ là 329,511 triệu người, số dân cuối năm 2020 của Hoa Kỳ là 331,5 triệu người. Tính tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 0,6**

Câu 25. Năm 2020, biết trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là 2148,6 tỉ USD, Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ là – 627,5 tỉ USD. Tính tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

→ **Đáp án: 4925**

Câu 26. Biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là 4924,7 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 77,4%. Tính trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ năm 2020. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ USD)

→ **Đáp án: 2149**